Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7019.14.00

Mã HS	7019.14.00
Mô tả hàng hóa	Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi xe (yarn), sợi thô, vải dệt thoi) / - Cúi sợi (sliver), sợi thô, sợi xe (yarn) và sợi bện đã cắt đoạn và chiếu (mat) làm từ chúng: / - - Chiếu (mat) được liên kết bằng cơ học
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 08:14:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70191400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10566
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10566
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10566
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10057
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10008
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10008
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10008
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10008
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10008
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10008
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10060
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10060
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10060
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10060
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10060
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10061
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10061
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10061
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10061
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10061
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10061
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10062
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10014
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10020
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10020
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10020
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10020
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10020
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10020
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10045
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10045
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10045
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10045
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10045
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10045
VCFTA	2022	2022	3	VC!D10092
VCFTA	2023	2023	3	VC!E10092

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10092
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10092
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10092
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10092
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10083
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10083
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10083
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10083
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10083
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10083
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10083
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10083
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10083
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10083
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10083
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10083
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10094
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10094
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10094
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10094
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10094
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10094
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10093
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10093
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10093
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10093

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10093
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10093
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10040
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10040
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10040
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10040
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10040
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10040
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10040
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10077
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10077
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10077
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10077
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10077
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10077
RCEP B	2022	2022	0	B!D10077
RCEP B	2023	2023	0	B!E10077
RCEP B	2024	2024	0	B!F10077
RCEP B	2025	2025	0	B!G10077
RCEP B	2026	2026	0	B!H10077
RCEP B	2027	2027	0	B!I10077
RCEP C	2022	2022	0	C!D10077
RCEP C	2023	2023	0	C!E10077
RCEP C	2024	2024	0	C!F10077
RCEP C	2025	2025	0	C!G10077
RCEP C	2026	2026	0	C!H10077

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10077
RCEP D	2022	2022	0	D!D10076
RCEP D	2023	2023	0	D!E10076
RCEP D	2024	2024	0	D!F10076
RCEP D	2025	2025	0	D!G10076
RCEP D	2026	2026	0	D!H10076
RCEP D	2027	2027	0	D!I10076
RCEP E	2022	2022	0	E!D10080
RCEP E	2023	2023	0	E!E10080
RCEP E	2024	2024	0	E!F10080
RCEP E	2025	2025	0	E!G10080
RCEP E	2026	2026	0	E!H10080
RCEP E	2027	2027	0	E!I10080
RCEP F	2022	2022	0	F!D10077
RCEP F	2023	2023	0	F!E10077
RCEP F	2024	2024	0	F!F10077
RCEP F	2025	2025	0	F!G10077
RCEP F	2026	2026	0	F!H10077
RCEP F	2027	2027	0	F!I10077
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F9313
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G9313
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H9313
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I9313

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 7019.14.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 7019.14.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7019.14.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7019.14.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10566), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.